TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-PT
Ngày: 11 – 6 - 2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Sơn

Ông Nguyễn Đăng Phồn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 35/2017/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2018/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn S, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965 (Vợ ông S). Đều trú tại: Khối 6, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An. Ông S vắng mặt ủy quyền cho bà Hoàng Thị L. Bà Lcó mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Trung L, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1960 (Vợ ông L). Đều trú tại: Khối 7, thị trấn Q , huyện N, tỉnh Nghệ An. Ông Lvà bà Lđều có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà L: Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 65, đường Lý Tự Tr , phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Hoàng Trung L, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm vụ kiện có nội dung:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/6/2017, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị L thống nhất trình bày: Năm 2006 vợ chồng ông Sỹ, Bà Lnhận chuyển nhượng thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m^2, địa chỉ tại xóm 1, xã N, huyện N, nay thuộc khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An, từ hộ gia đình ông Đặng Hữu D. Hợp đồng chuyển nhượng đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất Ủy ban nhân dân xã N xác nhận, về hiện trạng thửa đất không có tranh chấp, đất chưa xây dựng nhà ở, đất chưa thế chấp, phù hợp với quy hoạch khu dân cư nông thôn, đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất vợ chồng bà L, ông Sđã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đối với bên chuyển nhượng. Ngày 17/07/2006 được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02809, số phát hành AE 749213, thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại xóm 1, xã Nghi T (Nay thuộc khối 7, thị trấn Q), diện tích 100 m^2, mang tên hộ gia đình Ông Lê Văn S, bà Hoàng Thị L.

Vào năm 2010 vợ chồng bà L, ông Sdự định xây nhà ở thì phát hiện thửa đất bị hộ gia đình Ông Hoàng Trung L và bà Phạm Thị L là hộ gia đình có đất liền kề đã lấn chiếm một phần diện tích của thửa đất. Bà L, ông Sđã nhiều lần đến gặp gia đình ông L, bà Lyêu cầu trả diện tích đất lấn chiếm, nhưng ông L, bà Lkhông trả. Bà L, ông Sđã yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải để yêu cầu gia đình ông L, bà Ltrả phần diện tích lấn chiếm nhưng đều không thành.

Ngày 10/4/2017 UBND huyện N có kết luận số 88/KL-UBND về giải quyết kiến nghị của vợ chồng bà L, ông Scó nội dung: Diện tích đất của bà L, ông Shiện tại chỉ còn 22,2 m^2, thiếu 77,8 m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng bà L, ông Syêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình Ông Hoàng Trung L, bà Phạm Thị L trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm là 77,8 m^2, thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3, có địa chỉ tại khối 7, thị trấn Q và tháo dỡ các công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm.

Vợ chồng Ông Hoàng Trung L và bà Phạm Thị L thống nhất trình bày: Năm 2001 gia đình ông L, bà Lcó mua của ông Nguyễn Huy Tùng 2 lô đất gồm lô số 01 và lô số 02, thuộc thửa đất số 43 và 44, tờ bản đồ số 3 với giá 18.500.000 đồng, tương đương với 200m^2 đất ở. Giá do UBND xã N quy định một lô đất là 5.000.000 đồng và đóng thêm 2.000.000 đồng tiền xây dựng quê hương, tổng giá trị của 2 lô đất là 14.000.000 đồng. Lô số 01 do có diện tích hành lang mương đang tạm được sử dụng nên gia đình ông L, bà Lmua với giá 10.500.000 đồng. Lô số 02 gia đình

ông L, bà Lmua với giá 8.000.000 đồng, tương đương với 100 m^2 đất ở, lúc đó gia đình Ông Lphải nộp thêm cho Ủy ban xã Nghi T 50.000 đồng tiền trước bạ. Hai lô đất gia đình Ông Lmua của ông T được xác định không tranh chấp nên gia đình ông L, bà Lmới mua. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông T thì gia đình ông L, bà Lđược giao đất. Thành phần bàn giao đất cho gia đình ông L, bà Lgồm có: Ông Võ Văn H, lúc đó là cán bộ Địa chính xã N; ông Nguyễn Viết Th là cán bộ kế toán xã; ông Nguyễn Bá S là xóm trưởng xóm 1, xã N; ông Nguyễn Huy T là người bán đất; ông Phạm Văn H là người nhận mốc từng lô đất cho gia đình.

Hiện trạng hai lô đất được bàn giao cho gia đình ông L, bà Lnhư sau: Lô số 01; Đông giáp đất lô số 02, phía Tây giáp mảnh đất lưu không (gọi là Sẹo lá cờ), giáp tiếp mảnh đất lưu không là hành lang mương tưới tiêu nước (lúc đó mương chưa bê tông hóa mà còn là mương đất) rồi tiếp đến là đường liên xóm được thể hiện trong bản trích sơ đồ thửa đất do ông Nguyễn Hoàng V lập, ông H chủ tịch xã N ký tên, đóng dấu; Lô số 02; Phía Đông giáp lô số 03 của ông D, phía Tây giáp đất lô số 01. Sau khi nhận đất thì ông L, bà Lthuê Ông Lê Văn S xây dựng toàn bộ bờ rào và các công trình nhà tạm và công trình phụ cho ông L, bà L.

Vào ngày 25/6/2004 ông Tùng mới giao hồ sơ chuyển nhượng cho gia đình gồm: 01 bìa đỏ đứng tên Nguyễn Huy T; 01 Hợp đồng chuyển nhượng đất từ ông Nguyễn Huy T cho bà Phạm Thị L; 01 Bản trích sơ đồ thửa đất từ ông Nguyễn Huy T cho bà Phạm Thị L; 01 bản trích sơ đồ thửa đất do ông Nguyễn Hoàng V cán bộ địa chính xã thời đó lập, ông Hoạt chủ tịch xã ký và đóng dấu. Sau khi ông T con của ông L có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T lúc đó là bí thư, chủ tịch Hội đồng và bà Hồng là cán bộ tư pháp đến nhà vận động gia đình ông L, bà Lphối hợp với UBND huyện và UBND thị trấn "Dịch" sang bờ mương bê tông thì huyện và thị trấn sẽ giao cho gia đình ông L, bà L02 bìa đất và hoàn trả mặt bằng cho gia đình, nhưng ông L, bà Lkhông nhất trí vì gia đình ông L, bà Lkhông mua đất lưu không (mương nước và đất lưu không).

Ngày 13/10/2016 gia đình ông L, bà Lđược UBND thị trấn Q mời lên làm việc, khi cán bộ Ủy ban đọc văn bản thể hiện gia đình ông L, bà Lđang sử dụng một phần đất của lô thứ 3. Sau đó gia đình ông L, bà Lđề nghị và yêu cầu Ủy ban thị trấn và Ủy ban huyện N mời những người giao đất cho gia đình ông L, bà Lvào năm 2001 mà ông L, bà Lđã nêu ở trên và xin lập biên bản để đào mốc của 02 lô đất lên để xác định vị trí đất của gia đình ông L, bà Lnhưng Ủy ban thị trấn và Ủy ban huyện N không làm.

Ngày 20/4/2017 gia đình ông L, bà Lnhận kết luận của Ủy ban huyện N có nội dung là gia đình ông L, bà Llấn chiếm đất của hộ gia đình Ông Lê Văn S 77,8 m^2. Trên thực tế diện tích đất mà gia đình ông L, bà Lđang sử dụng là có một phần diện tích của đất lưu không của bờ mương đất có hình xéo lá cờ về phía tây lô đất số 01, có chiều rộng bám mặt đường Quán H đi N khoảng 3,4 m phía sau khoảng 2,5m

không liên quan đến diện tích đất lô số 3 của Bà Lông S. Người làm chứng là ông Nguyễn Bá S nguyên là xóm trưởng khi giao đất cho ông L, bà Lcũng khẳng định là có phần đất lưu không tiếp giáp bờ mương đất. Hiện tại diện tích đất mà bà L, ông Sbị thiếu là do quá trình quy hoạch cơ quan nhà nước xen dắm thêm 01 thửa đất của hộ gia đình ông T con của ông L, về thực tế ông L, bà Lbiết trên sơ đồ không có thửa đất của hộ ông Th con của ông L.

Với lý do trên, gia đình Ông Lê Văn S, bà Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu buộc hộ gia đình ông L, bà Lphải trả số diện tích 77,8 m^2 và tháo dỡ các công trình mà vợ chồng ông L, bà Lxây dựng vào năm 2001 là không có căn cứ nên Ông Lvà bà Lkhông chấp nhận. Vì hiện trạng và khuôn viên đất mà ông L, bà Lđang sử dụng là do ông L, bà Lmua của ông Nguyễn Huy T và được UBND xã N cắm mốc và giao cho gia đình ông L, bà L.

Tại bản án số 35/2017/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An quyết định: Căn cứ vào khoản 24 Điều 3; Điều 5, 6, 12, 55, 96, 166, 170, 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 166, 169 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 9 Điều 26, 35, 147, 227, 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26; khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị L đối với quyền sử dụng đất tại lô số 3 theo bản vẽ phân lô được UBND huyện phê duyệt năm 1995 nay thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3 tại khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Buộc Ông Hoàng Trung L, bà Phạm Thị L trả lại cho Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị L diện tích đất lấn chiếm là 77,8 m^2, tại lô số 3 theo bản vẽ phân lô được UBND huyện phê duyệt năm 1995 nay thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3 tại khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc Ông Hoàng Trung L, bà Phạm Thị L tháo dỡ, di dời các công trình, vật kiến trúc, cây trồng có trên diện tích đất lấn chiếm.

Ngoài ra bản án còn quyết định nghĩa vụ của người phải chịu án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017 Ông Hoàng Trung L kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm buộc vợ chồng ông L, bà Lphải trả 77,8m2 đất của lô số 2 thửa 44 tờ bản đồ số 3 quy hoạch năm 1995 cho ông Sỹ, Bà Lvà tháo dỡ công trình trên đất mà Ông Lđã thuê ông Sxây vào năm 2001. Ông Lkhông đồng ý, vì quyết định của Bản án sơ thẩm không khách quan, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ông. Đề nghị cấp

phúc thẩm xét lại toàn bộ hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền lợi công bằng, lẽ phải cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ông Hoàng Trung L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến; Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Ông Hoàng Trung L; Hủy bản án sơ thẩm đình chỉ vụ án với lý do, trước khi khởi kiện UBND thị trấn Q mới triệu tập các bên hòa giải một lần nhưng vắng vợ chồng ông L, nên nguyên đơn chưa đủ điều kiện để khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của đương sự đã được thẩm tra, kết quả tranh luận và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của Ông Hoàng Trung L, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An cho rằng, tranh chấp đất đai giữa gia đình Bà Lvà gia đình Ông Lmới được cấp cơ sở triệu tập hòa giải một lần vắng mặt vợ chồng ông L, nên hòa giải không tiến hành được. Nhưng nguyên đơn đã khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện, thấy rằng: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án phản ánh thì vụ tranh chấp đất giữa hai gia đình ông L, bà Lvà gia đình ông Sỹ, Bà Lxảy ra từ năm 2010 đến nay đã được các cấp chính quyền địa phương từ Ủy ban nhân dân thị trấn Quán H và Ủy ban nhân dân huyện N tiến hành giải quyết, hòa giải nhiều lần, nhưng không có kết quả. Và sau khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền về quản lý Đất đai, tại buổi hòa giải ngày 06//6/2017 vợ chồng ông L, bà Lnhận được giấy báo, nhưng cũng không chấp hành. Do đó vợ chồng ông Sỹ, Bà Lkhởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Tòa án là có cơ sở.

Về nội dung: Năm 2006 vợ chồng Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị L nhận chuyển nhượng của ông Đặng Hữu D thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3 diện tích 100m^2 tại xóm 1, xã N, huyện N (nay thuộc khối 7 thị trấn Q, huyện N). Sau khi nhận chuyển nhượng các bên hoàn tất các thủ tục và đã được UBND huyện N cấp Giấy CNQSD đất số 02809 ngày 17/7/2006 mang tên hộ gia đình Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm vợ chồng Ông Hoàng Trung L và bà Phạm Thị L xác định và thừa nhận: Năm 1995 UBND xã N qui hoạch phân lô vùng đất tại xóm 1, mỗi ô (thửa) có diện tích 100m^2 (20m x 5m) để chuyển nhượng cho các hộ gia đình cá nhân sử dụng đất ở. Gia đình ông L, bà Lmua ô số 2 (thửa đất số 45) và nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Huy T ô số 01 liền kề (thửa đất số 44) diện tích 100m^2 (20m x 5m). Tổng cộng vợ chồng ông L, bà Lsử dụng 2 thửa 44, 45 liền kề diện tích 200m^2, thửa đất của gia

đình Ông Lcó tứ cận cạnh phía Đông tiếp giáp với ô số 3 (thửa đất số 46) thửa đất của gia đình ông Sỹ, bà L. Ông L, bà Lcho rằng, hiện tại gia đình Ông Lsử dụng thửa đất 369,9m^2 (Tăng 169,9m^2) là do đất lưu không bờ mương và đất có hình xéo lá cờ về phía ô số 1 (thửa đất số 44) thấy rằng: Căn cứ bản vẽ qui hoạch phân lô vùng đất được UBND huyện N phê duyệt năm 1995 và Bản đồ hoàn công năm 2007 thì vùng đất được phân thành 47 lô từ số 01 đến ô số 47. Đều phân mỗi lô có chiều rộng bám mặt đường đi xã Đoài là 5m có chiều dài 20m, diện tích mỗi ô là 100m^2 không thể hiện có đất lưu không bên cạnh mương nước.

Mặt khác, sau khi biết được thửa đất của mình bị lấn chiếm vợ chồng ông S, Bà Lđã khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu giải quyết. Tại Thông báo kết quả giải quyết kiến nghị của Ông Lê Văn S ngày 19/4/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn Q (Bl,17) và tại Kết luận số 88/KL-UBND ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N Kết luận về kết quả giải quyết kiến nghị của Ông Lê Văn S, thường trú tại khối 6, thị trấn Q, huyện N (Bl,12,13,14) xác định: Gia đình Ông Hoàng Trung L và bà Phạm Thị L sử dụng diện tích vượt quá so với diện tích đất được giao là 169,9m^2, trong đó có 77,8m^2 thuộc thửa đất số 46 và 92,1m^2 đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Vợ chồng Ông Hoàng Trung L và bà Phạm Thị L đã biết được Kết luận số 88/KL-UBND ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện N về kết quả giải quyết khiếu nại tranh chấp đất giữa vợ chồng ông Svới vợ chồng ông L, nhưng vợ chồng ông L, bà Lkhông có ý kiến gì.

Hơn nữa, các ông Đặng Hữu D, ông Nguyễn Viết T, ông Võ Văn H, ông Nguyễn Huy T là những người biết về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp đều xác định: Năm 1995 UBND xã N tiến hành phân vùng đất thành 47 ô mỗi ô có chiều rộng bám mặt đường 5m, dài 20m diện tích mỗi ô là 100m^2 chứ không có ô nào rộng hơn và cũng không có đất lưu không. Và tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Hoàng V là người do vợ chồng Ông Lmời làm chứng cũng khẳng định; Ông V là người tham gia lập quy hoạch và tham gia giao đất thì ô số 01 cạnh phía Tây giáp bờ mương, chứ không có phần đất xéo lá cờ cũng không có đất lưu không. Ngoài ra theo yêu cầu của vợ chồng Ông Lngày 03/5/2018 cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định, cũng xác định, vùng đất quy hoạch gồm 47 lô và ranh giới phía Tây lô số 01 hiện gia đình Ông Lđang sử dụng là đường liên khối rộng 9,72m và 7,75m phù hợp quy hoạch phân lô năm 1995 và bản đồ hoàn công vùng đất năm 2007 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các hộ dân đã ở ổn định.

Bởi vậy, cấp sơ thẩm xác định vợ chồng Ông Hoàng Trung L và bà Phạm Thị L lấn chiếm của gia đình Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị L 77,8m^2 đất thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 03 tại xóm 1, xã N, huyện N (Nay là khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An) là có cơ sở. Do đó kháng cáo của Ông Hoàng Trung L không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên nội dung của Bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên tại phần quyết định của Bản án, mặc dù có sơ đồ diện tích kèm theo nhưng cấp sơ thẩm chưa nêu rõ tứ cận diện tích đất nên cần bổ sung để thuận lợi trong công tác thi hành án.

Về án phí: Kháng cáo của Ông Lkhông được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

Về chi phí thẩm định, định giá và triệu tập người làm chứng: Người yêu cầu nhằm làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên phải chịu toàn bộ chi phí, đã thực hiện xong, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 24 Điều 3; Điều 5, 6, 12, 55, 96, 166, 170, 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 166, 169 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Hoàng Trung L. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị L đối với quyền sử dụng đất tại lô số 3 theo bản vẽ phân lô được UBND huyện phê duyệt năm 1995 nay thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3 tại khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An.

1. Buộc Ông Hoàng Trung L, bà Phạm Thị L trả lại cho Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị L diện tích đất lấn chiếm là 77,8 m^2, tại lô số 3 theo bản vẽ phân lô được UBND huyện phê duyệt năm 1995 nay thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3 tại khối 7, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An, có tứ cận theo hình tứ giác $M_5M_6M_7M_4$. (*Có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm số 35/2017/DSST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An*).

2. Buộc Ông Hoàng Trung L, bà Phạm Thị L tháo dỡ, di dời các công trình, vật kiến trúc, cây trồng có trên diện tích đất lấn chiếm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Vợ chồng Ông Hoàng Trung L và bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người 150.000 đồng).

3.2. Hoàn trả cho vợ chồng Ông Lê Văn S và bà Hoàng Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi lộc theo Biên lai thu số 0004548 ngày 04/6/2017.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Trung L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí

phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi lộc theo Biên lai thu số 0004565 ngày 20/10/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS H. N;
- TAND H. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phấn